

Số: 439/KH-UBND

Đắk Nông, ngày 03 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ và Chương trình số 78-CTr/TU ngày 16/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (gọi tắt là Nghị quyết số 68/NQ-CP) và Chương trình số 78-CTr/TU ngày 16/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (gọi tắt là Chương trình số 78-CTr/TU); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình số 78-CTr/TU nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân, doanh nghiệp về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Các nhiệm vụ, giải pháp phải bám sát các nội dung của Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình số 78-CTr/TU; đảm bảo đồng bộ, nhất quán, có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, hiệu quả; xác định rõ nhiệm vụ của các cấp, các ngành, địa phương trong triển khai thực hiện.

- Chú trọng huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, phù hợp với khả năng của địa phương, trong đó nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nguồn lực của xã hội là quan trọng; kết hợp nguồn lực trong nước và ngoài nước. Nâng cao hiệu quả hợp tác giữa nhà nước, tư nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng và Nhân dân trong quản lý, phát triển xã hội bền vững phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị bám sát nội dung Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình số 78-CTr/TU để triển khai thực hiện nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự tham gia tích cực, chủ động, hiệu quả của các tầng lớp Nhân dân.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II. MỤC TIÊU, CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách xã hội bảo đảm tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững để phấn đấu đưa Đắk Nông “trở thành tỉnh trung bình khá vào năm 2025 và tỉnh phát triển khá vào năm 2030 của vùng Tây Nguyên”.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Phấn đấu 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 2%; trong đó, duy trì tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3%, tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn dưới 2%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%; 26% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội, khoảng 20% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; 25% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo; tăng cường các giải pháp để thực hiện hiệu quả công tác chi trả qua tài khoản cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở tối thiểu

đạt 97,5%, cấp trung học phổ thông và tương đương tối thiểu đạt 72,3%; 100% huyện, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế; tuổi thọ trung bình của người dân trên địa bàn tỉnh khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người HDI thuộc nhóm có chỉ số HDI cao (nhóm 2); phần đầu có 32 giường bệnh, 11 bác sĩ, 04 dược sĩ, 20 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

- Xây dựng khoảng 5.250 căn hộ nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; xóa bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh đạt khoảng 30m² sàn/người; 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phù hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

- Có ít nhất 95% người dân ở vùng sâu, vùng xa và 85% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp cận và thụ hưởng các hoạt động văn hóa - thể thao, nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045, Đắk Nông là tỉnh thực hiện hiệu quả hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và phát triển con người Đắk Nông đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Có quy mô nền kinh tế phù hợp, hiệu quả và bền vững gắn với mục tiêu xuyên suốt là mức sống và chất lượng sống cao của người dân (so với trung bình cả nước) trên tất cả các mặt về kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường và cơ hội phát triển. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch gồm lồng ghép từ các chương trình, dự án, đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; vốn ngân sách Nhà nước được phân bổ hằng năm cho các địa phương, đơn vị; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật để thực hiện Kế hoạch.

2. Căn cứ nhiệm vụ được phân công, các đơn vị địa phương chủ động xây dựng kế hoạch triển khai và bảo vệ kinh phí thực hiện trong dự toán hằng năm theo phân cấp ngân sách.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các hoạt động tại địa phương theo quy định.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

1.1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền với hình thức đa dạng, phong phú với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

1.2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

2.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Tham mưu xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chính sách xã hội bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội. Tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật.

2.2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Tăng cường các hoạt động đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số, số hóa quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

2.3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Thường xuyên tuyên truyền nhằm đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực nhà nước giữ vai

trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội; tăng cường xã hội hóa, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội. Bố trí nguồn lực tương xứng để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình số 78-CTr/TU.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

- Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công, nhất là người có công ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người có công gặp khó khăn trong cuộc sống; thực hiện hiệu quả các chính sách ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giáo dục - đào tạo, việc làm, sản xuất và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân người có công tiếp cận các dịch vụ xã hội. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có công và gia đình người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Hoàn thành cơ bản việc giải quyết tồn đọng trong thực hiện chính sách người có công, nhất là tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; tiếp tục ưu tiên bố trí kinh phí xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh. Phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, đẩy mạnh, khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” trên địa bàn tỉnh. Huy động nguồn lực đóng góp vào Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” để chăm sóc tốt hơn cho người có công.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

4.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

- Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, nhất là ở khu vực miền núi, nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động. Tăng cường giáo dục định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hóa, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để phát triển công tác đào tạo nghề, giáo dục định hướng nghề nghiệp cho người lao động, nhất là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Phát triển thị trường lao động của tỉnh theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tổ chức có hiệu quả các sàn giao dịch việc làm, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực

hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như: tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ. Thực hiện nghiêm các chủ trương, chính sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Hiện đại hóa, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm.

4.2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ chủ lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đổi mới chính sách tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài phục vụ cho đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ trên địa bàn tỉnh.

4.3. Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Đắk Nông chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống. Thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công, nhất là trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn, người lao động mất việc làm, thiếu việc làm.

5. Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

- Tăng cường phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội, người dân và giữa các nhóm dân cư, bảo đảm bền vững và công bằng xã hội. Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện, có chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức tham gia. Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân. Thực hiện hiệu lực, hiệu quả chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

- Quan tâm đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó

khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững. Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh, phấn đấu tối thiểu bằng mức trung bình chung cả nước; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đây mạnh phong trào “Đất Nong vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

6.1. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh theo hướng mở, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hóa mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Ưu tiên phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu công nghiệp, khu đông dân cư. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hóa, góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo.

6.2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hội nhập, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả các loại dịch bệnh, bảo đảm an ninh, an toàn

thực phẩm; tiếp tục phát triển hệ thống y tế học đường, y học cổ truyền. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, bảo hiểm y tế.

6.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hóa dân tộc, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội, đặc biệt là nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nơi tập trung đông người lao động...

6.4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, dịch vụ thông tin công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6.5. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Tăng cường hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở trong việc thực hiện chủ trương của Đảng và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập. Thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ về nhà ở thuộc các Chương trình MTQG nhằm góp phần ổn định chính trị, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển đô thị, nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại.

6.6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Thực hiện hiệu quả các chính sách nhằm bảo đảm nhu cầu thiết yếu về nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường các khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

7.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Thường xuyên quan tâm, đẩy mạnh việc phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng hoạt động của các dịch vụ xã hội về việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội đang quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng; trẻ em mồ côi, người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật không nơi nương tựa trên địa bàn tỉnh. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7.2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đắk Nông chủ trì, phối hợp với đơn vị, Sở ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn nghiên cứu, đề xuất Hội sở chính ban hành chính sách hỗ trợ, ưu đãi về phí dịch vụ cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội khi mở thẻ, sử dụng tài khoản ngân hàng để nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; mở rộng hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng ATM đến cấp xã góp phần đáp ứng nhu cầu sử dụng và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố

Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao của đơn vị, chủ trì xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả.

- Định kỳ trước ngày **30/10 hằng năm**, báo cáo kết quả, tiến độ, những đề xuất, kiến nghị trong quá trình tổ chức thực hiện, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này của các Sở, ban, ngành, địa phương; là đầu mối tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước ngày 15/11 hằng năm.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cân đối, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo đúng quy định hiện hành.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ và Chương trình số 78-CTr/TU ngày 16/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Yêu cầu các Sở, ban, ngành, địa phương và đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TB&XH (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước CN Đắk Nông;
- CN Ngân hàng CSXH tỉnh Đắk Nông;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Q).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tôn Thị Ngọc Hạnh